SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI; Thời gian ký: 2026-11-17T17:22:59+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ THUẬN LỢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /2026/NQ-HĐND	*Thuận Lợi, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi một số mức chi tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TTHĐND của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai về việc đính chính Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thuận Lợi;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-BKTNS ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi ban hành Nghị quyết sửa đổi một số mức chi tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi.

Điều 1. Sửa đổi một số mức chi tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi

1. Sửa đổi các mức chi tại dòng "Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ" thuộc loại văn bản "Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã" tại Phụ lục I của Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND bằng các mức chi tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Sửa đổi các mức chi tại tiểu mục 3 "Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ", Mục I "Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã" tại Phụ lục II của Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND bằng các mức chi tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác của Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND và các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết không được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tiếp tục được thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi khóa XIII, kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN xã;
- Tổ đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ THUẬN LỢI T.P ĐỒNG NAI

Bùi Thị Minh Thúy

Phụ lục I

MỨC CHI ĐỐI VỚI VĂN BẢN BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: đồng/văn bản

Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo, góp ý	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, hồ sơ trình	Nhiệm vụ thẩm tra
Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã	3.000.000	1.575.000	240.000	285.000	900.000

Phụ lục II

MỨC CHI CHO CÁC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VĂN BẢN BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

3. Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ

Đơn vị tính: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	**NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH**		**2.100.000**	
1	**Soạn thảo văn bản**		**1.575.000**	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	30.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	600.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	472.500	
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	472.500	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		240.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		285.000	
II	**THẨM TRA, THÔNG QUA**		**900.000**	